

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP

Án số: 266/2026/DS-ST

Ngày: 21/7/2026**NHÂN DANH**

V/v tranh chấp: **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

“Hợp đồng góp hụi;

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Trung**

Bà **Đặng Thị Tiềm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Luân** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp, mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 365/2026/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố T (nay là Khu phố T), phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Hồ Thị Ánh T1**, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền số 232 ngày 21/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Đồng Tháp).

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Ú**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố T (nay là Khu phố T), phường T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Thành V**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố T (nay là Khu phố T), phường T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà T1 và bà Ú có mặt tại phiên tòa.

- Ông V xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Tôi với bà Trần Thị Ú là có quan hệ quen biết do ở xóm, nên tôi có làm chủ hụi và bà Ú có tham gia 02 dây hụi do tôi làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng, khai ngày 15/01/2022, hụi 3.000.000đồng/phần, có 18 người, 37 phần, bà Ú tham gia 02 phần, tên trong danh sách hụi là vợ V, thực hiện hụi như sau:

Phần 1: Hốt lần đầu tiên, được 85.320.000đồng, trừ huê hồng 1.500.000đồng. Còn lại đã giao đủ. Sau khi hốt hụi có đóng được 27 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy phần này bà Ú còn nợ tôi 09 lần hụi chết là 27.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Phần 2: Hốt lần thứ 2, được 85.950.000đồng, trừ huê hồng 1.500.000đồng. Còn lại đã giao đủ. Sau khi hốt hụi có đóng được 26 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy phần này bà Ú còn nợ tôi 09 lần hụi chết là 27.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Tổng cộng dây hụi này còn nợ tôi là 54.000.000đồng.

Dây 2: Hụi tháng, khai ngày 01/8/2023, hụi 3.000.000đồng/phần, có 21 người, 42 phần, bà Ú tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là vợ V. Hốt lần đầu tiên được 95.120.000đồng, trừ huê hồng 2.000.000đồng, đã giao đủ hụi. Sau khi hốt hụi có đóng được 11 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây hụi này bà Ú còn nợ tôi 30 lần hụi chết là 90.000.000đồng. Hụi này đến ngày 15/02/2027 mới mãn hụi.

Tính từ lần thứ 13 của dây hụi là tháng 8/2024 đến tháng 3/2026 nợ 19 kỳ là 57.000.000đồng, nhưng bà Ú chỉ trả được 23.500.000đồng, còn nợ tính đến hết tháng 3/2026 là 33.500.000đồng

Đồng thời còn nợ tính đến mãn hụi là 11 tháng = 33.000.000đồng. Như vậy dây hụi này còn nợ 66.500.000đồng, trong đó có 33.000.000đồng chưa tới hạn.

Tổng cộng 02 dây hụi này bà Ú nợ 120.500.000đồng.

Bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V là vợ chồng. Việc bà Ú chơi hụi là lấy tiền để phục vụ cho việc gia đình, khi giao hụi cũng có anh V chứng kiến, tôi cũng có nói là giao hụi cho hai vợ chồng, anh V cũng không có ý kiến gì, những lúc đóng hụi đôi khi anh V cũng là người trực tiếp đóng hụi.

Nay yêu cầu bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải trả tôi số tiền 120.500.000đồng. Trong đó yêu cầu trả một lần số tiền đã vi phạm nghĩa vụ góp hụi là 87.500.000đồng, còn lại 33.000.000đồng yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000đồng.

+ Bị đơn bà Trần Thị Ú xác định: Về việc chơi hụi và thực hiện hụi như nguyên đơn trình bày là đúng.

Đối với dây hụi thứ nhất khai ngày 15/01/2022, tôi nợ bà Nguyễn Thị T 54.000.000đồng như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên trong dây hụi ngày 01/8/2023, tôi có mượn của bà T 01 phần hụi và hốt ngày 01/5/2024, được số tiền là 104.000.000đồng. Số tiền này tôi trừ vào số tiền nợ 54.000.000đồng của dây hụi ngày 15/01/2022, như vậy dây hụi này tôi không còn nợ.

Ngoài ra trong dây hụi ngày 15/01/2022 tôi còn mượn của chị Đ 02 phần, chị Đ1 01 phần, đã hốt xong, nên số tiền còn lại 50.000.000đồng, tôi trừ nợ cho chị Đ1 và chị Đ.

Đối với dây hụi thứ hai khai ngày 01/8/2023 tôi, như bà T trình bày là đúng. Dây hụi này tôi còn nợ 30 lần hụi chết là 90.000.000đồng. Tính từ lần thứ 13 của dây hụi là tháng 8/2024 đến tháng 3/2026 nợ 19 kỳ là 57.000.000đồng, nhưng tôi chỉ trả được 23.500.000đồng, còn nợ tính đến hết tháng 3/2026 là 33.500.000đồng. Đồng thời còn nợ tính đến mãn hụi là 11 tháng = 33.000.000đồng. Tổng cộng dây hụi này còn nợ 66.500.000đồng, trong đó có 33.000.000đồng chưa tới hạn.

Tổng cộng 02 dây hụi này tôi nợ là 120.500.000đồng.

Nay tôi thừa nhận còn nợ bà T 120.500.000đồng, không còn nợ khoảng tiền hụi nào khác, các khoảng hụi đã mượn và khấu trừ trước đây xem như xong. Chồng tôi chỉ có tham gia dây hụi 37 phần mà thôi.

Nay tôi đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 120.000.000đồng, bắt đầu trả vào tháng 02/2027, mỗi tháng trả 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Hồ Thị Ánh T1 là đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T xác định: Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà Ú và ông V liên đới trả số tiền nợ hụi là 120.500.000đồng, quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu bà Ú và ông V liên đới trả số tiền nợ hụi là 120.00.000đồng. Vì vậy nay xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Ú và ông V phải trả số tiền hụi còn lại theo đơn khởi kiện là 500.000đồng, chỉ yêu cầu bà Ú và ông V liên đới trả số tiền nợ hụi còn lại là 120.000.000đồng.

Về thời gian trả theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà Ú và ông V trả một lần số tiền đã vi phạm nghĩa vụ góp hụi là 87.500.000đồng, còn lại 33.000.000đồng yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000đồng. Tuy nhiên tính đến nay bà Ú và ông V đã tiếp tục vi phạm nghĩa vụ góp hụi thêm 04 tháng với số tiền là 12.000.000đồng cộng với số tiền 87.500.000đồng là 99.500.000đồng, nên yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật số tiền đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 99.000.000đồng, còn lại 21.000.000đồng mỗi tháng trả 3.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 21/8/2026 cho đến khi đủ số tiền 21.000.000đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị Ú đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 120.000.000đồng, bắt đầu trả vào tháng 02/2027, mỗi tháng trả 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của bà Nguyễn Thị T tại phiên tòa, thì bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 120.000.000đồng. Bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V hiện cư trú

tại Khu phố T (nay là Khu phố T), phường T, tỉnh Đồng Tháp. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "tranh chấp về hợp đồng góp hội" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy tại phiên tòa bà Hồ Thị Ánh T1 là đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải trả số tiền hội còn lại theo đơn khởi kiện là 500.000đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải trả số tiền hội còn lại theo đơn khởi kiện là 500.000đồng là phù hợp.

Xét thấy tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà Ú và ông V trả một lần số tiền đã vi phạm nghĩa vụ góp hội là 87.500.000đồng, còn lại 33.000.000đồng yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000đồng. Tuy nhiên tính đến nay bà Ú và ông V đã tiếp tục vi phạm nghĩa vụ góp hội thêm 04 tháng với số tiền là 12.000.000đồng cộng với số tiền 87.500.000đồng là 99.500.000đồng, nên yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật số tiền đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 99.000.000đồng, còn lại 21.000.000đồng mỗi tháng trả 3.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 21/8/2026 cho đến khi đủ số tiền 21.000.000đồng. Do đó Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian trả. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về thời gian trả nợ là không vượt quá phạm vi khởi kiện yêu cầu ban đầu theo Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiếp tục việc giải quyết vụ án theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông Nguyễn Thành V đã có đơn xin vắng mặt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, thống nhất quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Thành V.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Hồ Thị Ánh T1 đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ hội của 02 dây hội còn lại là 120.000.000đồng. Xét yêu cầu của bà T1 đại diện ủy quyền cho bà T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai bên đương sự khai thống nhất xác định, vợ chồng bà Ú có tham gia 02 dây hội do bà T làm chủ. Quá trình thực hiện hội đã xác định được như sau:

Đối với dây hội ngày 15/01/2021 bà Ú còn nợ bà T 18 lần hội chết (02 phần, mỗi phần 3.000.000đồng) là 54.000.000đồng.

Đối với dây hội ngày 01/8/2023 bà Ú còn nợ bà T 30 lần hội chết là

90.000.000đồng. Tính từ lần thứ 13 của dây hụi là tháng 8/2024 đến tháng 3/2026 nợ 19 kỳ là 57.000.000đồng, nhưng bà Ú chỉ trả được 23.500.000đồng, còn nợ tính đến hết tháng 3/2026 là 33.500.000đồng. Đồng thời còn nợ tính đến mãn hụi là 11 tháng = 33.000.000đồng (do hụi này chưa mãn). Tổng cộng dây hụi này bà Ú còn nợ bà T 66.500.000đồng, trong đó có 33.000.000đồng chưa tới hạn.

Tổng cộng 02 dây hụi này bà Ú còn nợ bà T 120.500.000đồng nhưng bà T chỉ yêu cầu trả 120.000.000đồng, bà Ú đồng ý. Các khoảng hụi đã mượn và khấu trừ trước đây xem như xong, bà Ú không còn nợ khoảng tiền hụi nào khác của bà T.

Việc thực hiện hụi và nợ các đương sự khai và xác định thống nhất như trên là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Giấy danh sách hụi và tính tiền hụi do phía nguyên đơn bà T cung cấp cung cấp. Do đó bà T đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, theo qui định tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo qui định tại Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự qui định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Trong vụ án này bị đơn bà Trần Thị Ú và người có liên quan ông Nguyễn Thành V không có sự phản đối đối với chứng cứ do bà T cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Thị Ú thừa nhận việc chơi hụi như bà T xác định và còn nợ tiền hụi bà T là 120.000.000đồng, đồng ý trả.

Vì vậy có cơ sở xác định hợp đồng góp hụi giữa bà Nguyễn Thị T với bà Trần Thị Ú đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo qui định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T xác định bà Ú còn nợ 120.000.000đồng đến nay không trả. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có căn cứ xác định bà Ú còn nợ bà T số tiền hụi 120.000.000đồng đến nay chưa trả như nguyên đơn đã xác định là đúng, phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự. Vì vậy bà T khởi kiện là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả: Xét thấy bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V là vợ chồng, tại thời điểm diễn ra giao dịch góp hụi giữa bà T với bà Ú thì bà Ú và ông V vẫn là vợ chồng hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án bà Ú thừa nhận số tiền hụi của bà T về vợ chồng làm vốn mua bán mít, sử dụng chung và ông V cũng có tham gia thực hiện hụi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ góp hụi, giao hụi và trả tiền của bà Ú, ông V phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Ú và ông V, đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà Ú và ông V không thực hiện nghĩa vụ giao hụi lại cho chủ hụi là vi phạm hợp đồng góp hụi và nghĩa vụ của hụi viên. Căn cứ điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Việc bà Ú hụi là nhằm giải quyết cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình.

Do đó buộc bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hui cho bà T là phù hợp.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa hôm nay bà Hồ Thị Ánh T1 đại diện ủy quyền cho nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về thời gian trả: Tại phiên tòa hôm nay bà Hồ Thị Ánh T1 đại diện ủy quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải trả cho bà T số tiền đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 99.000.000đồng trả khi án có hiệu lực pháp luật, còn lại 21.000.000đồng mỗi tháng trả 3.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 21/8/2026 cho đến khi đủ số tiền 21.000.000đồng. Bà Trần Thị Ú đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 120.000.000đồng, bắt đầu trả vào tháng 02/2027, mỗi tháng trả 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Ú và ông V đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Bà T đã yêu cầu bà Ú và ông V trả tiền nhiều lần nhưng bà Ú và ông V vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho bà T. Bà Ú yêu cầu trả mỗi tháng 2.000.000đồng là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, không được bà T đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với những phần hui đã mãn hui và bà Ú đã vi phạm nghĩa vụ thì phải có nghĩa vụ giao trả đủ là phù hợp, đối với những phần hui chưa tới thời hạn thực hiện nghĩa vụ nên bà Ú và ông V có nghĩa vụ trả hàng tháng theo hợp đồng góp hui là phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ hui là **120.000.000đồng** theo thời gian yêu cầu của T1 đại diện ủy quyền cho bà T là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với số tiền phải trả do vi phạm nghĩa vụ là 99.000.000đồng. Đối với số tiền còn lại 21.000.000đồng bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V tự nguyện, đồng ý trả, chưa đến hạn và chưa vi phạm nghĩa vụ nên không phải chịu án phí đối với khoảng tiền này.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 471, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Buộc bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hụi còn thiếu là **120.000.000đồng** (một trăm hai mươi triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả khi án có hiệu lực pháp luật là 99.000.000đồng; còn lại 21.000.000đồng thực hiện nghĩa vụ trả mỗi tháng là 3.000.000đồng cho đến khi hết số tiền nợ 21.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 21/8/2026.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải trả số tiền hụi còn lại theo đơn khởi kiện là 500.000đồng.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị Ú và ông Nguyễn Thành V phải liên đới chịu 4.950.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp 3.012.500đồng theo biên lai thu số 0007316 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông V vắng mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Tháp **Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**
- VKSND Khu vực 4 – Đồng Tháp.
- Phòng THA dân sự Khu vực 4 - ĐT.
- Các đương sự:
- Lưu.

Nguyễn Chí K

